TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
"V/v Xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Đảnh

2. Ông Nguyễn Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2016/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2016 về việc "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đinh Thị H – sinh năm 1978; có mặt.

Trú tại: Khu T, thị trấn L, huyện Kiên G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Võ Thanh Kim P – sinh năm 1979; vắng mặt.

Trú tại: Khu T, thị trấn L, huyện Kiên G, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Đinh Thị H trình bày:

Vợ chồng bà Đinh Thị H và ông Võ Thanh Kim P chung sống với nhau từ năm 1998 và đến năm 2015 thì vợ chồng đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống bà H nhận thấy vợ

chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng phát sinh, ông P đánh đập đe dọa ảnh hưởng đến sức khỏe bà H, vợ chồng bà H và ông P đã ly thân nhiều năm, ông bà không còn tình cảm nên bà H làm đơn yêu cầu xin ly hôn ông P.

Về con chung: có 03 người con gồm 1/ Võ Minh Hậu - sinh năm 1999 đã trưởng thành, 2/ Võ Minh Hiếu - sinh năm 2014, 3/ Võ Minh Qui - sinh năm 2016. Bà H xin được nuôi dưỡng hai người con tên Võ Minh Hiếu và Võ Minh Qui đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng.

Ý kiến của cháu Hiếu và Qui thống nhất ở với mẹ.

Về tài sản chung: không có, vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Theo bản tự khai biên bản hòa giải ông Võ Thanh Kim P trình bày:

Về hôn nhân: Ông P thống nhất thời gian chung sống của vợ chồng và đăng ký kết hôn như bà H trình bày. Còn về mâu thuẫn giữa ông và bà H chưa đến mức trầm trọng, nên ông không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2017 ông P thống nhất ly hôn nhưng yêu cầu chia tài sản. Tòa án làm thông báo yêu cầu ông P làm đơn yêu cầu phản tố chia tài sản. Đến ngày 08/8/2017 P rút đơn không yêu cầu xem xét về tài sản.

Về con chung: có 03 người con 1/ Võ Minh Hậu - sinh năm 1999, 2/ Võ Minh Hiếu - sinh năm 2014, 3/ Võ Minh Qui - sinh năm 2016, ông P đề nghị hỏi ý kiến các cháu, nếu các cháu thống nhất ở với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản: không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuy nhiên, vụ án còn để kéo dài chưa đảm bảo về mặt thời gian theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Đinh Thị H và ông Võ Thanh Kim P.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Võ Minh Hiếu – sinh năm 2004, Võ Minh Qui – sinh năm 2005 cho bà Đinh Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, các cháu đồng ý tiếp tục sống cùng mẹ, còn cháu Võ Minh Hậu – sinh năm 1999 đã tuổi trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đối với ông Võ Thanh Kim P vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

1.2 Bà Đinh Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xin ly hôn và nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông P chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn và được Ủy Ban nhân dân Thị Trấn Kiên L, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng đã chung sống thời gian dài có con chung sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện tại các đương sự đã ly thân,vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau.Trong quá trình giải quyết cũng như tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà H yêu cầu ly hôn, phía ông P cũng đồng ý thuận tình ly hôn theo biên bản hòa giải ngày 29/5/2017, nhận thấy hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các điều 55, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: có 03 người con gồm 1/ Võ Minh Hậu - sinh năm 1999, 2/ Võ Minh Hiếu - sinh năm 2004, 3/ Võ Minh Qui - sinh năm 2005. Bà H có nguyện vọng tiếp tục xin được nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Minh Hiếu và cháu Võ Minh Qui đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy các con của bà H, ông P cũng đã lớn trên 7 tuổi, Tòa án đã làm việc hỏi ý kiến các cháu đều có nguyên vọng xin được ở với mẹ, bản thân ông P cũng thống nhất giao các con cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83, 84, giao các con Hiếu và Qui cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, Bà H không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung. Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của bà H và ông P.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ông P trình bày quá trình chung sống hai vợ chồng có tạo dựng được nhà và đất tại khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương nhưng hiện nay đã sang nhượng cho người khác. Về nợ chung, vợ chồng có nợ một số anh em trong gia đình và ông P yêu cầu Tòa án xem xét. Nhận thấy quá trình Tòa án giải quyết đã ra thông báo cho ông P nộp đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật, ông P có làm đơn phản tố nhưng đã xin rút lại và không yêu cầu xem xét

về tài sản và nợ chung. Sau khi ly hôn nêu có chứng cứ chứng minh thì ông P có quyền làm đơn yêu cầu chia tài sản chung.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 144; 145; 146; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Xử:

- *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đinh Thị H và ông Võ Thanh Kim P.

- *Về con chung:* Giao các con tên Võ Văn Hiếu - sinh ngày 23/4/2004, Võ Minh Qui - sinh ngày 26/12/2005 cho bà Đinh Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Cháu Võ Minh Hậu - sinh ngày 30/5/1999 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét việc nuôi dưỡng.

Bảo lưu quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của bà H và ông P.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm và được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 200.000đ theo lai thu số 0001576 ngày 17/10/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Bà H đã nộp đủ.

Báo cho bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2017). Ông P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện L;
- Thi Hành án Dân sự H. L ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm